

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HS-ST

Ngày: 07/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quang Huy;

2/ Bà Chế Thị Mai.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum tham gia phiên
tòa: Ông Nguyễn Hồng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh
Kon Tum xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2017/HS-ST ngày
04/10/2017 đối với bị cáo: **Trần Ngọc S** (Tên gọi khác: Đ), sinh năm 1995 tại
Bình Định; trú tại: Thôn T, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm
nông; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt
Nam; con ông Trần C (Đã chết) và bà Võ Thị Bích A; gia đình có 06 anh em, lớn
nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1998, bị cáo là con thứ 5; có vợ Hà Thị
Thế L và 01 con sinh năm 2013;

Tiền án: Ngày 24/7/2014 bị TAND thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử
phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt ngày
21/3/2015; Ngày 17/11/2016 bị TAND huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xử phạt
10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", với tình tiết tăng nặng "Tái phạm". đã chấp
hành xong hình phạt ngày 08/6/2017; Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2017 đến nay, có mặt.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989, trú tại: Số nhà 309
đường P, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Bích A, sinh năm
1963, địa chỉ: Thôn T, xã V, thành phố k, tỉnh Kon Tum, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2017 bị cáo Trần Ngọc S đang điều khiển xe máy BKS 82H2-1034 trên đường Phan Đình Phùng, khi đi đến nhà số A đường P, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum, thấy cửa cổng nhà đang mở, S quan sát không thấy ai, liền dựng xe trước cổng rồi đi vào phòng ngủ lấy 01 điện thoại di động Sam Sung A5 màu đen của anh Nguyễn Văn C đang để trên bàn sạc pin. Sau đó đem đến tiệm cầm đồ nhờ anh Trần Văn T mở khóa, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Định giá tài sản kết luận: Trị giá 01 điện thoại di động Sam Sung A5 mà bị cáo chiếm đoạt của anh Chử là: 7.857.000 đồng.

Cáo trạng số: 70/KSĐT ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo S từ **02** năm đến **02** năm **06** tháng tù; Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2017 tại số nhà 309 đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị cáo Trần Ngọc S đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn Ch, để cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh C 01 điện thoại di động Sam Sung A5 trị giá là **7.857.000** đồng, nhằm mục đích bán để tiêu xài cá nhân. Hành vi chiếm đoạt tài sản này của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này, bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của BLHS. Do đó Cáo trạng của VKS truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố Kon Tum. Bị cáo có nhân thân không tốt, thể hiện có nhiều tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, đã được đi cải tạo, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, để sửa chữa sai lầm bản thân trở thành người công dân tốt, mà tiếp tục con đường

phạm tội, điều đó thể hiện bị cáo coi thường, bất chấp pháp luật. Vì vậy phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đó là: Thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

- Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động cho anh Chứ là đúng quy định pháp luật.

01 Xe mô tô BKS 82H2-1034 là tài sản của chị Võ Thị Bích A, chị A không có lỗi trong việc cho bị cáo mượn xe, nên cơ quan điều tra trả lại xe cho chị A là đúng pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn C và chị Võ Thị Bích A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc S** (Tên gọi khác: Đ) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc S** (Tên gọi khác: Đ): **02** (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **23/7/2017**;

3- Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc S phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/11/2017). Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Công an TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài